

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/HS-ST

Ngày: 15 - 11 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hiến;

Ông Lê Văn Vững.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa sơ thẩm công khai trực tiếp xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1994, tại Campuchia; nơi thường trú: Không; nơi tạm trú: Không; nơi ở hiện tại: Ấp 4, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn U (Uất), sinh năm 1966 (còn sống) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968 (còn sống); gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; sống như vợ chồng với Trần Hậu P, sinh năm 1997; có 3 người con sinh năm 2016, 2019 và 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23-12-2014, bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo theo Bản án số 38/2014/HS-ST. Chấp hành xong nghĩa vụ dân sự ngày 05-01-2015. Bị cáo chưa thi hành án phạt tù cho hưởng án treo, đến nay đã hết thời hiệu thi hành; tạm giữ: Ngày 27-4-2023 đến ngày 05-5-2023; tạm giam: không; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: **Lý Thị Thuý H**, sinh năm 1990 (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trần Quốc T, sinh năm 1994 (vắng mặt không có lý do);

Trần Hậu P, sinh năm 1997 (vắng mặt không có lý do);

Nơi cư trú: Ấp 4, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

* Người làm chứng:

Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 (vắng mặt không có lý do);

Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ, ngày 27-04-2023, bị cáo Nguyễn Thị T điều khiển xe mô tô biển số 66M1-669.63 đi từ ấp 4, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp đến chợ Thanh Mỹ thuộc ấp H, xã T, huyện T tìm tài sản để trộm. Khoảng 12 giờ cùng ngày, T đến cửa hàng bán tạp hoá của chị Lý Thị Thuý H đi vào bên trong quan sát thấy chị H đang nằm ngủ và em Võ Lý Ngọc H (Sinh năm 2016) là con chị H đang chơi bên cạnh. Khi nhìn thấy túi xách để phía sau nơi chị H đang ngủ, T lén lút đến mở túi xách lấy một cọc tiền có nhiều mệnh giá được cột chặt bằng dây thun rồi bỏ vào túi quần bên trái của T đang mặc. Lúc này, chị H thức giấc, T liền giả vờ hỏi mua hàng hóa. Nghe vậy, chị H kêu T đi ra phía trước cửa hàng đợi. Trong lúc chị H đang soạn hàng để bán thì bị cáo lên xe rời đi. Thấy vậy, nghi ngờ T trộm tài sản, chị H kiểm tra lại tài sản thì phát hiện mất số tiền khoảng 21.000.000 đồng nên trình báo đến cơ quan Công an.

Căn cứ đoạn video được camera giám sát tại hiện trường ghi lại, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tháp Mười tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp, khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo T tại ấp 4, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, thu giữ trong phòng ngủ số tiền 15.100.000 đồng. Bị cáo thừa nhận đây là số tiền vừa trộm được của chị H.

Quá trình điều tra vụ án, cơ quan điều tra đã thu giữ, xử lý vật chứng có liên quan như sau:

- 01 xe mô tô biển số 66M1-669.63 của anh Trần Quốc T (Là anh chồng của T) cho Bị cáo mượn. Anh T không biết T dùng vào việc phạm tội nên đã trao trả lại xe cho anh T.

- 01 nón bảo hiểm dạng nón lưỡi trai màu vàng, 01 khẩu trang màu cam, 01 cái áo khoác thun sọc caro màu đỏ - đen, 01 đôi dép đúc quai ngang màu trắng, 01 cái bao tay vải màu hồng có hoa văn màu nâu là trang phục bị cáo mặc khi phạm tội (bị cáo từ chối nhận lại do không còn giá trị sử dụng).

- Số tiền 15.100.000 đồng thu giữ khi khám xét khẩn cấp, xét thấy anh Trần Hậu P đã bồi thường xong cho bị hại số tiền 21.000.000 đồng bằng tiền cá nhân của mình nên Cơ quan điều tra đã trao trả số tiền 15.100.000 đồng cho anh Phúc.

- 01 thẻ nhớ chứa đoạn video ghi lại quá trình phạm tội của bị cáo tại hiện trường.

- Ngoài ra còn thu giữ nhiều tài sản khác (gồm 3 điện thoại di động các loại; các hóa đơn, chứng từ; nhiều kim loại màu vàng là nữ trang) của T không liên quan đến tội phạm đã trao trả cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị T đã tác động anh Trần Hậu P (sống chung như vợ chồng với T) bồi thường số tiền 21.000.000 đồng theo yêu cầu của người bị hại. Chị H đã nhận tiền xong và không có yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số: 66/CT-VKSTM ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị T ra Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên, giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng, khẳng định việc truy tố trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của các bị cáo đã gây ra, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến việc thực hiện tội phạm, nhân thân của bị cáo và quy định của pháp luật, Kiểm sát viên đề nghị:

+ Áp dụng điểm khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T hình phạt tù 09 tháng đến 01 năm tù.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 nón bảo hiểm dạng nón lưỡi trai màu vàng, 01 khẩu trang màu cam, 01 cái áo khoác thun sọc caro màu đỏ - đen, 01 đôi dép đúc quai ngang màu trắng, 01 cái bao tay vải màu hồng có hoa văn màu nâu là trang phục bị cáo mặc khi phạm tội do bị cáo từ chối nhận lại và không còn giá trị sử dụng.

- Lưu hồ sơ vụ án 01 thẻ nhớ chứa đoạn video ghi lại quá trình phạm tội của bị cáo tại hiện trường.

- Bị cáo Nguyễn Thị T đồng ý xét xử vắng mặt đối với bị hại và người làm chứng, thừa nhận toàn bộ hành vi của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Đối với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt bị cáo không tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại Lý Thị Thúy H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra, bị hại đã nhận đủ số tiền bị mất trộm, ngoài ra bị hại không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Quốc T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Trong quá trình điều tra và truy tố, các cơ quan có thẩm quyền xác định khi cho bị cáo T mượn xe thì anh Tài không biết mục đích bị cáo dùng vào việc phạm tội và nay anh Tài đã nhận lại xe xong, không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Hậu P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Trong vụ án này, anh Phúc đã bồi thường thay cho bị cáo T số tiền 21.000.000 đồng theo yêu cầu của bị hại và không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Tuy nhiên, xét thấy bị hại đã nhận lại đủ số tiền bị mất trộm, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án này; đồng thời, đối với người làm chứng vắng mặt không có lý do nhưng đã có lời khai của người này trong hồ sơ vụ án, nên không gây trở ngại cho việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tháp Mười, và Điều tra viên trong quá trình điều tra; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười và Kiểm sát viên trong quá trình truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị T tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cùng với các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án và tại phần tranh luận bị cáo cũng thống nhất với lời luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ thể lực và trí lực nhận thức hành vi của mình; bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật mà vẫn thực hiện; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý; tài sản mà bị cáo lấy trộm là số tiền 15.100.000 đồng nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...”

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo tuy ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại một cách trái phép. Quyền sở hữu về tài sản là khách thể được Luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi trái phép xâm phạm đến, nhưng vì bản chất lười biếng, muốn mau chóng có tiền mà không phải bỏ ra công sức lao động hợp pháp, với ý thức xem thường pháp luật nên bị cáo đã lợi dụng sự chủ quan của bị hại lén lút đột nhập vào cửa hàng tạp hóa của bị hại nhằm mục đích tiêu xài cá nhân. Hành vi này không những vi phạm pháp luật mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh tại địa phương, gây tâm lý lo lắng trong việc quản lý, bảo vệ tài sản trong nhân dân. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai như hôm nay là cần thiết, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian phù hợp đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời nhằm mục đích giáo dục, phòng ngừa chung trong xã hội

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình và đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Tình tiết tăng nặng: Không có. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân không tốt, đã từng bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội.

[7] Cáo trạng số: 66/CT-VKSTM ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Nguyễn Thị T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự để xử phạt đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận đủ số tiền bị mất trộm, ngoài ra không có yêu cầu gì khác trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Xét đề nghị của Kiểm sát viên là đúng với quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Đối với anh Trần Quốc T không biết bị cáo mượn xe để vi phạm pháp luật nên không xem xét xử lý là phù hợp.

[11] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T bị kết tội, bị cáo không thuộc trường hợp không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 11 và không thuộc trường hợp miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 10 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án (trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 27/4/2023 đến ngày 05/5/2023).

2. Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 nón bảo hiểm dạng nón lưới trai màu vàng, 01 khẩu trang màu cam, 01 cái áo khoác thun sọc caro màu đỏ - đen, 01 đôi dép đúc quai

ngang màu trắng, 01 cái bao tay vải màu hồng có hoa văn màu nâu là trang phục bị cáo mặc khi phạm tội do bị cáo từ chối nhận lại và không còn giá trị sử dụng.

- Lưu hồ sơ vụ án 01 thẻ nhớ chứa đoạn video ghi lại quá trình phạm tội của bị cáo tại hiện trường.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở tư pháp Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- CQ CSĐT CA huyện Tháp Mười;
- CC THADS huyện Tháp Mười;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HSVA, VPTA ^(Linh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Kiến